

Số: 26/QĐ-C.TY

QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH QUY CHẾ XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG
TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Đất đai năm 2013; Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Khoáng sản năm 2010; Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đơn Dương;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-SNN ngày 23/11/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng về việc Phê duyệt, thẩm định phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương; Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Việt Nam V2.0 và Chứng chỉ rừng trồng FSC: GFA-FM/COC-002745 ngày 13/11/2018; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Điều chỉnh phạm vi, ranh giới diện tích đất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng giao Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương quản lý và các văn bản quy định khác có liên quan.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương ban hành Quyết định về Quy chế xử lý vi phạm hợp đồng trong các hoạt động lâm nghiệp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xử lý vi phạm hợp đồng trong các hoạt động lâm nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Ban Giám đốc, phòng Quản lý bảo vệ rừng, phòng Kỹ thuật, phòng Kinh tế- Tổng hợp, các Phân trường (1, 2, 3, 4), Trạm QLVR Vườn Trầu, các đơn vị (nhà thầu/nhà thầu phụ) và cá nhân, người đại diện hợp pháp trực tiếp ký kết hợp đồng thực hiện các hoạt động lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng thành viên; KSV (g/s thực hiện);
- Ban Giám đốc (chỉ đạo thực hiện);
- Các phòng: QLVR, KT, KT-TH (thực hiện);
- Các Phân trường (1,2,3,4), Trạm Vườn Trầu (thực hiện);
- Các nhà thầu/nhà thầu phụ, đơn vị, cá nhân liên quan (phối hợp và thực hiện);
- Lưu: VT, QLVR.



**QUY CHẾ
XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG
TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ- C.TY ngày 20 tháng 1 năm 2022
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định trình tự xử lý vi phạm hợp đồng kinh tế trong các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị (nhà thầu/nhà thầu phụ) và cá nhân, người đại diện hợp pháp trực tiếp ký kết hợp đồng thực hiện các hoạt động lâm nghiệp với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương.

Chương II

VI PHẠM HỢP ĐỒNG

VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Điều 3. Khái niệm về vi phạm hợp đồng:

Vi phạm hợp đồng là việc một bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Phân loại vi phạm hợp đồng:

1. Vi phạm về chủ thể đối với hợp đồng đã giao kết:

a/ Không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng cho bên kia.

b/ Không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng mặc dù đã hưởng các quyền lợi từ hợp đồng.

c/ Không thực hiện đúng, đầy đủ các thỏa thuận đã được ghi nhận trong hợp đồng.

2. Vi phạm quy định của pháp luật khi ký kết, thực hiện hợp đồng:

a/ Giao kết hợp đồng không đúng đối tượng, chủ thể.

b/ Giao kết hợp đồng không tuân thủ hình thức của hợp đồng đã được pháp luật quy định.

c/ Đối tượng giao kết hợp đồng bị pháp luật cấm.

d/ Hợp đồng thể hiện rõ ràng và thiếu các nội dung cơ bản của hợp đồng này.

e/ Nội dung hợp đồng do các bên ký kết không bảo đảm các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, trung thực.

Điều 5. Hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm hợp đồng:

Pháp luật về hợp đồng của Việt Nam quy định hai hình thức chịu trách nhiệm pháp lý của hành vi này là phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

1. Phạt vi phạm hợp đồng:

a/ Điều 418 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định thỏa thuận phạt vi phạm như sau:

1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

3. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại.

b/ Trường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm.

c/ Việc phạt vi phạm chỉ đặt ra nếu có sự thỏa thuận của các bên chủ thể trong hợp đồng.

Có thể hiểu, nếu trong hợp đồng không có ghi nhận về vấn đề phạt vi phạm thì bên bị vi phạm không có quyền yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với bên vi phạm.

d/ Việc phạt vi phạm được giải quyết bằng việc nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

e/ Mức phạt vi phạm hợp đồng có thể cao hoặc thấp phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại:

Ngoài phạt vi phạm hợp đồng, khi có thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm hợp đồng, bên bị thiệt hại còn có thể yêu cầu bên vi phạm gây ra thiệt hại bồi thường thiệt hại.

a/ Điều 419 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định về thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng như sau:

1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 13 và Điều 360 của Bộ Luật này.

2. Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại.

3. Theo yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc.

b/ Theo quy định tại khoản 2 Điều 419, Điều 13 và Điều 360 của Bộ Luật Dân sự 2015 thì khi có sự vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng mà gây ra thiệt hại thì bên gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ, trừ các trường hợp sau:

1. Do các bên chủ thể thỏa thuận miễn trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
2. Thiệt hại gây ra không do lỗi của bên gây thiệt hại mà là do lỗi của bên bị thiệt hại.
3. Thiệt hại xảy ra do sự kiện bất khả kháng.

c/ Nếu như phạt vi phạm chỉ được áp dụng khi các bên có thỏa thuận trước, đối với bồi thường thiệt hại trong hợp đồng dân sự, cho dù các bên có thỏa thuận hay không thì khi xảy ra thiệt hại, bên gây thiệt hại vẫn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thiệt hại của người có quyền bao gồm cả thiệt hại về vật chất (xác định dựa trên các tổn thất thực tế) và tổn thất về tinh thần (Tòa án xác định trên căn cứ nội dung vụ việc).

Đồng thời, người có quyền có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

Điều 6. Một số biện pháp xử lý hành vi vi phạm hợp đồng:

1. Biện pháp thương lượng - hòa giải:

Xuất phát từ một đặc tính quan trọng của hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên, pháp luật Việt Nam luôn tôn trọng sự thống nhất ý chí giữa các bên khi xảy ra tranh chấp hợp đồng.

Việc thương lượng - hòa giải nếu đạt được kết quả sẽ là giải pháp tốt nhất cho các bên như không phải nộp án phí, rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, ... và làm hài lòng các bên tranh chấp.

2. Biện pháp đơn phương hủy bỏ hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng:

Nếu biện pháp thương lượng - hòa giải không đem lại hiệu quả thì đơn phương hủy bỏ hợp đồng sẽ là biện pháp xử lý vi phạm cần thiết.

Biện pháp này nhằm hạn chế hoặc không để gây ra hậu quả nếu tiếp tục thực hiện trong khi phía bên kia không chấm dứt việc vi phạm hoặc thiếu thiện chí để giải quyết hậu quả của việc vi phạm.

Trong trường hợp bắt buộc phải áp dụng biện pháp này mà gây ra thiệt hại cho bên vi phạm thì không phải bồi thường thiệt hại.

3. Biện pháp yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế giải quyết:

Tòa án và Trọng tài kinh tế là các cơ quan có thẩm quyền ra các phán quyết có hiệu lực pháp lý cao và có tính bắt buộc để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bên bị vi phạm.

Nếu việc tranh chấp xuất phát từ hợp đồng mà các bên không tự giải quyết được thì nên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế giải quyết để bảo vệ quyền lợi của mình trong thời gian luật định.

Khi yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế giải quyết thì các bên phải tuân thủ quy trình tố tụng chặt chẽ do pháp luật quy định đối với từng loại tranh chấp.

4. Biện pháp yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát xem xét khởi tố vụ án hình sự:

Nếu có đủ cơ sở xác định bên đối tác có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, khi ký kết hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng bằng hành vi lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm, thì các Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát sẽ:

- Khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử tại Tòa án;
- Buộc người chiếm đoạt tài sản phải chịu hình phạt và phải trả lại hoặc bồi thường những tài sản bị chiếm đoạt, những thiệt hại cho người bị hại.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7: Trách nhiệm thực hiện:

1. Quy chế này được phổ biến đến toàn thể người quản lý doanh nghiệp, người lao động, các bộ phận có liên quan, các đơn vị (nhà thầu/nhà thầu phụ) và cá nhân, người đại diện hợp pháp trực tiếp ký kết hợp đồng thực hiện các hoạt động lâm nghiệp với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xử lý hành vi vi phạm hợp đồng kinh tế và các hành vi vi phạm khác có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về trình tự xử lý hành vi vi phạm hợp đồng kinh tế trong các hoạt động lâm nghiệp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương thì kiến nghị, đề xuất để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Chương IV HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 8: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2022 và được sử dụng trong suốt quá trình thực hiện quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đơn Dương./.